

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 10 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lưu Văn T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22C/62 Phạm Huy Th, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 5 Lô 6, Khu đô thị PG, thôn T, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Th; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22C/62 Phạm Huy Th, phường AD, quận L, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 5 Lô 6, Khu đô thị PG, thôn T, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 29 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lưu Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Văn T và chị Bùi Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện AD, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 13 tháng 02 năm 2009. Quá trình chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị Bùi Thị Th.

- Về con chung: Anh Lưu Văn T và chị Bùi Thị Th có hai con chung tên Lưu Tuấn K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2011 và Lưu Tuấn M, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2015. Anh Lưu Văn T đề nghị Tòa án giao con chung Lưu Tuấn K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2011 cho anh nuôi dưỡng; giao con chung Lưu Tuấn M, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2015 cho chị Bùi Thị Th nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Lưu Văn T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Lưu Tuấn M mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tên Lưu Tuấn M đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh Lưu Văn T và chị Bùi Thị Th tự thỏa thuận phân chia nên anh không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn là chị Bùi Thị Th tại phiên tòa trình bày: Chị và anh Lưu Văn T không còn tình cảm. Về con chung chị Th nuôi con tên Lưu Tuấn M, anh T nuôi con tên Lưu Tuấn K. Chị đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung Lưu Tuấn M mỗi tháng 5.000.000 đồng trong vòng 5 năm. Về tài sản chung: Chị và anh T đã tự phân chia, anh T một căn nhà, hai ô tô; chị được một căn nhà. Về tài sản này chị không có ý kiến gì. Vợ chồng còn có một công ty do anh Lưu Văn T làm giám đốc, chị yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là công ty này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ly hôn giữa anh Lưu Văn T và chị Bùi Thị Th. Giao con chung Lưu Tuấn Kt, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2011 cho anh T nuôi dưỡng; giao con chung Lưu Tuấn M, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2015 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Lưu Văn T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Lưu

Tuấn M mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tên Lưu Tuấn M đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Anh T không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Tại phiên tòa, chị Th có yêu cầu chia tài sản chung, vì vậy không đề cập giải quyết tài sản chung trong vụ án này, các đương sự có đơn yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Anh Lưu Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Tài liệu xác minh thể hiện anh T và chị Th có mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khó có khả năng đoàn tụ. Anh T và chị Th đều có khả năng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là chị Bùi Thị Th đang cư trú tại Khu đô thị PG, thôn T, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Th đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 13 tháng 02 năm 2009 tại xã A, huyện AD, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Lưu Văn T được ly hôn chị Bùi Thị Th.

[3] Về con chung: Anh Lưu Văn T và chị Bùi Thị Th có hai con chung tên Lưu Tuấn K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2011 và Lưu Tuấn M, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2015. Anh T, chị Th đều có khả năng nuôi con, để đảm bảo quyền lợi của các con chung và theo nguyện vọng của các đương sự thì giao con tên Lưu Tuấn K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Lưu Tuấn M, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2015 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung Lưu Tuấn M mỗi tháng 5.000.000 đồng trong vòng 5 năm. Anh T, chị Th mỗi người nuôi một con chung, quyền và nghĩa vụ ngang nhau khi nuôi con, cả hai đều có khả năng nuôi con chung, không bên nào sẽ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Nhưng tại phiên tòa, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Lưu Tuấn M mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tên Lưu Tuấn M đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi

khác theo qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Anh T không đề nghị Toà án giải quyết trong vụ án này. Mặt khác, tại phiên tòa chị Th có đưa ra yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu có sau khi Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản chung trong vụ án này, các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về tài sản chung sẽ gửi đơn yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lưu Văn T được ly hôn chị Bùi Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lưu Tuấn K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2011 cho anh Lưu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con tên Lưu Tuấn M, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2015 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Lưu Văn T cấp dưỡng nuôi con chung Lưu Tuấn M mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tên Lưu Tuấn M đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi

hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Anh Lưu Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004257 ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh Lưu Văn T còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lưu Văn T, chị Bùi Thị Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương ;
- UBND xã A (Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 13 tháng 02 năm 2009);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý

